TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT
Ngày: 23-7- 2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 07/2019/TLPT-TC ngày 21/02/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 346/2019/QĐ-PT ngày 03/4/2019, Quyết định thay đổi Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 718/2019/QĐ TĐQĐĐVARXX ngày 6/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Ông Mai Văn T

Trú tại: Thôn 1 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Ngô Đức Th, Luật sư Văn phòng Luật sư TĐ, số 423 đường L, thành phố Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T

Trú tại: Thôn X, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ông Mai Xuân H đã chết ngày 08/02/2019 theo trích lục khai tử ngày 18/02/2019 của UBND xã S, huyện B. Bà T có mặt.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Xuân H:

- Anh Mai Vũ S; Địa chỉ: M ken Japan; có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- Anh Mai Sỹ H; Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Chị Mai Thị H2 Thủy; Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Anh Mai Chí H; Địa chỉ: M ken Japan; Có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- Anh Mai Nguyễn Khắc Tr; Địa chỉ: Thôn X, xã S huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người được bị đơn ủy quyền:

- Ông Vũ Xuân H; Địa chỉ: số 85 đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Ông Dương Văn Th; Địa chỉ: số 102 đường D, phường Đ, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Bà Mai Thị T2; Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bà Mai Thị Th1; Địa chỉ: Chòm Bắc, tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Đại diện hợp pháp của ông Mai Văn Th (Đã chết): bà Nguyễn Thị H2, trú tại thôn X, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

** Người làm chứng:*

- Ông Trần Xuân Tr; Địa chỉ: Thôn 2 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Dương Đình Th3; Địa chỉ: Thôn 2 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Thôn 1 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. (Đã chết)

- Ông Nguyễn Văn L; Địa chỉ: Thôn 2 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Nguyễn Bá Ng; Địa chỉ: Thôn 2 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Ông Trần Sỹ K; Địa chỉ: Thôn 1 C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày: Bố mẹ ông là Mai Văn L và Nguyễn Thị Th có thửa đất số 104, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.048m^2 nay là thửa số 102, tờ bản đồ số 64, diện tích thực tế hiện tại là 2.997,8m^2 (do chính quyền san ủi nên có rộng ra) tại Vùng Đồng Đất thôn C 2, xã S, huyện B. Đất được nhà nước cấp cho bố mẹ ông năm 1973 để làm nhà ở. Bố mẹ ông đã sinh sống tại thửa đất này từ lúc được cấp đến năm 1988 thì bố ông qua đời, đến năm 1994 mẹ ông cũng qua đời. Khi bố mẹ ông qua đời trên thửa đất đó để lại cho Mai Thị T2, Mai Văn Th ở. Năm 2012, em Mai Văn Th qua đời nên em Mai Thị T2 chuyển về sinh sống tại huyện Minh Hóa. Thửa đất bố mẹ để lại anh em ông cho ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T mượn để trồng cây sản xuất. Đến năm 2006, ông Mai Văn H làm giấy mua bán đất và đến anh em ông ký nhưng anh em ông

không chấp nhận nên đã xảy ra tranh chấp. Anh em ông đã làm đơn đến Ủy ban nhân dân xã S giải quyết nhưng không thành. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn H và bà Nguyễn Thị T trả lại cho anh em ông thửa đất đã lấn chiếm với diện tích đất là 2.048m^2, với chiều rộng 46m, chiều dài 44m tại thửa số 102, tờ bản đồ số 64. Cụ thể chiều rộng mặt trước thửa đất hướng Bắc giáp đường liên thôn; chiều dài phía phải hướng Đông giáp thửa đất ông Hải, chiều dài bên trái hướng Tây giáp thửa đất bà X, chiều rộng phía sau hướng Nam giáp chân rừng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện về kích thước buộc ông H và bà T trả lại thửa đất như kết quả thẩm định ngày 17/10/2018 về ranh giới và kích thước, diện tích 2.707,6m^2.

Bị đơn ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T tại bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm trình bày: Năm 1989 vợ chồng ông bà có làm ngôi nhà tạm tiền khách hậu chủ và được bà Nguyễn Thị Th (mẹ của ông Mai Văn T) cho ở góc vườn phía Tây được sinh sống chung một vườn cùng. Sau khi bà Th qua đời thì để lại cho con gái là bà Mai Thị T2 và con trai út là ông Mai Văn Th. Do cuộc sống neo đơn nên bà Mai Thị T2 có ý định bán mảnh đất vườn còn lại cho bà Trần Thị X. Vợ chồng ông bà biết tin nên đã trao đổi với bà T2 mua lại với giá 200.000 đồng và cho thêm bà T2 50.000 đồng. Từ năm 1991 đến nay quá trình sử dụng đất vợ chồng ông luôn cải tạo, nâng cấp vườn. Khi có chủ trương 327 vợ chồng ông được giao đất giao rừng trồng Th lấy nhựa, trồng keo và bạch đàn. Khi có đường mòn Hồ Chí Minh đi qua thì vợ chồng ông thuê múc đất cải tạo lại mảnh vườn bằng phẳng. Năm 2006-2007, khi có chủ trương làm thẻ đỏ thì vợ cH2 ông trực tiếp gặp bà T2 để xác nhận nhưng bà T2 không đồng ý. Năm 2013, UBND xã S Trạch mời hai gia đình lên lên hòa giải nhưng không thành. Năm 2017, UBND xã S tiếp tục mời vợ chồng ông lên hòa giải chia mảnh đất 5 phần trong đó vợ chồng ông một phần nhưng ông bà không đồng ý. Việc ông T cho rằng thửa đất là của bố mẹ ông để lại là không có căn cứ pháp L vì không có giấy tờ gì chứng minh, trong khi thửa đất được ông bà sử dụng từ năm 1989 đến nay được Hợp tác xã và UBND xã S xác nhận, vợ chồng ông cũng làm mọi nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định. Vì vậy ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Vũ Xuân Hải, ông Dương Văn Th là những người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng trình bày: Thửa đất đang tranh chấp trước đây bố mẹ của nguyên đơn sử dụng từ năm 1978 đến 1990. Tuy nhiên diện tích đất này chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1990 đến nay nguyên đơn không sử dụng diện tích đất này và không thực hiện nghĩa vụ thuế đất đối với nhà nước. Cả một thời gian dài gia đình ông H dựng nhà và sinh sống trên đất, canh tác hoa màu thu hoạch, trồng cây, san ủi mặt bằng nhưng nguyên đơn không phản đối. Hơn nữa trong quá trình sử dụng đất ông H đã mở rộng diện tích tăng lên, theo bản đồ địa chính năm 1997 thửa đất số 104, tờ bản đồ số 23 xã S Trạch diện tích 2.048m^2, theo bản đồ địa chính năm 2015 tăng lên 2.997,8m^2 thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 64 xã S Trạch.Theo báo cáo số 17/BC-UBND ngày 21/3/2018 của UBND xã S thì hàng năm gia đình ông H đều thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước nên gia đình ông H phải được công nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T2 trình bày: Trước khi bố mẹ bà là ông Mai Văn L, bà Nguyễn Thị Th chết có cho ông H một góc vườn để ở gần nhà bà X, bà ở tại thửa đất bố mẹ để lại được một thời gian thì theo chồng ở chỗ khác. Thửa đất đó bỏ trống, một thời gian đất có giá thì ông H bà T đưa ra một tờ giấy viết sẵn bảo bà ký nhưng bà không ký, hai bên không có giấy tờ và không có việc giao tiền liên quan đến việc mua bán đất. Bà đề nghị vợ chồng ông H bà T phải trả lại toàn bộ đất đang tranh chấp cho ông Mai Văn T.

Người liên quan bà Phan Thị Đ, bà Mai Thị Th1 đều thống nhất như trình bày của ông Mai Văn T.

Lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Bá Ng, ông Trần Sỹ K xác nhận về thửa đất đang tranh chấp trước đây là khu chăn nuôi của Hợp tác xã C, xã S, sau đó bố mẹ ông T đến ở.

Năm 1988 bố ông T mất, ông H xin về ở trên thửa đất đó, sau đó mẹ ông T mất. Việc mua bán đất giữa bà T2 em ông T với ông H các ông chỉ nghe nói chứ không chứng kiến. Ông H bà T sử dụng đất từ đó cho đến nay.

Ông Trần Xuân Tr và ông Dương Đình Th3 cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông Mai Văn L (bố ông T).

Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 222, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 181, Điều 612, Điều 613, Điều 614 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ khoản 1, 6, 10 Điều 12, khoản 5,7 Điều 166, điểm a khoản 3 Điều 167, Điều 170, điểm c, đ khoản 1 Điều 179, Điều 188 và điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai 2013. Căn cứ Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 1 4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T, buộc ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T trả lại toàn bộ thửa đất đang tranh chấp cho ông Mai Văn T, thửa đất số 102, tờ bản đồ số 64, bản đồ địa chính xã S Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, thửa đất có ranh giới, kích thước, diện tích như sau:

Phía Bắc giáp đường liên thôn, kích thước 46,4m.

Phía Nam giáp đất ông H, bà T khai phá thêm (phía gần chân núi) có kích thước 49,7m.

Phía Tây giáp đất bà X, kích thước 54,7m.

Phía Đông giáp đất anh H có kích thước 58m.

Diện tích 2.707,6m^2.

Buộc ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển móng nhà có tường, 04 trụ bê tông xây dở dang và số cây bạch đàn xây và trồng trái phép trên đất tranh chấp để trả lại nguyên trạng thửa đất đang tranh chấp nêu trên cho ông T.

Nguyên đơn có quyền và trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 21/01/2019 ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghi cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch vì đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Đình chỉ giải quyết vụ án vì nguyên đơn không có căn cứ khởi kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Ngày 19/02/2019 bà Nguyễn Thị T có kháng cáo bổ sung kèm theo trích lục khai tử của ông Mai Xuân H với nội dung đề nghị tuyên hủy bản án số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch do vi phạm tố tụng. Nếu không tuyên hủy thì cần xem xét sửa lại toàn bộ bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 21/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình có Quyết định kháng nghị số 44/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch với nội dung đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm nói trên do vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Mai Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm vì cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc đất trước đây là của ông L, bà Th để lại, sau khi ông bà mất để lại cho các con sử dụng là ông Th và bà T2, một thời gian thì hai ông bà này mới chuyển đi nơi khác. Việc ông T không thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước do thiếu hiểu biết. Bà T cũng thừa nhận do nghĩ đất đó của ông L, bà Th để lại nên năm 2006 khi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải đến gặp bà T2 để xác nhận. Đề nghị Hội đồng xem xét lại nội dung công văn 17 của UBND xã S đã nói rõ diễn biến quá trình sử dụng, tranh chấp đất đai giữa hai bên. Hiện tại không có nhà của bà T trên đất nên không thể nói bà T ở ổn định liên tục. Bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần kháng cáo về đề nghị huỷ án sơ thẩm do vi phạm tố tụng, đề nghị cấp phúc thẩm xử chấp nhận kháng cáo để sửa án sơ thẩm, theo đó xử bác yêu cầu của nguyên đơn vì đất đang tranh chấp đó không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, bà Th (vì không có bất cứ một loại giấy tờ gì theo Luật Đất đai quy định) và theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2004/NQ HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì đất đang tranh chấp không thoả mãn điều kiện để được coi là di sản thừa kế. Quá trình giải quyết phúc thẩm, phía nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ cho Toà về việc ông H đã có tên trong sổ mục kê địa chính của xã và có tên trong bản đồ địa chính được lập năm 1997 của xã S.

Ông Nguyễn Văn L người làm chứng trình bày: Đúng là trước đây, trên mảnh đất hiện tại đang tranh chấp ông L, bà Th là người đến ở trước, sau đó ông H, bà T mới đến ở. Khi ông L, bà Th qua đời, bà T2, ông Th ở trên đất một thời gian ngắn thì chuyển đi chỗ khác (năm 1995). Ông H, bà T đã không ngừng cơi

nới, cải tạo và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nên đã có tên trong sổ địa chính của xã S và bản đồ địa chính đo vẻ năm 1997. Việc lập hồ sơ cấp đất đã được công khai hai tháng tại địa phương nhưng phía ông T không phản đối gì, sau này năm 2013 mới tranh chấp cho đến nay. Ông H, bà T đủ điều kiện để được cấp đất.

Bà T2, bà H2 vợ ông Th khẳng định bà Th mất năm 1994, sau đó năm 1995 bà T2 theo chồng về Minh Hoá sinh sống, cũng trong năm đó, ông Th chuyển đến ở với em dâu của bà Th, năm 1996 bà Th1 tháo dở ngồi nhà cấp bốn của ông L, bà Th để làm nhà tại huyện Quảng Trạch (theo chồng).

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng VKS nhân dân huyện Bố Trạch.

Giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến Hnh tố tụng, giải quyết vụ án của cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người tham gia tố tụng không đúng là vi phạm tố tụng. Việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng: Đây là vụ án khởi kiện đòi lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông L, bà Th nên những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là những người thuộc Hng thừa kế thứ nhất của ông L, bà Th gồm ông T, ông Th, bà T2, bà Th1. Ông Th đã chết, Toà án đưa đại diện hợp pháp của ông Th là bà Nguyễn Thị H2 vào tham gia tố tụng là đảm bảo tư cách tham gia tố tụng (vì đây không phải là vụ án chia thừa kế nên không cần thiết phải xác định quyền thừa kế thế vị của các con ông Th). Bà Phan Thị Đ vợ của ông Mai Văn T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong quan hệ đòi lại di sản thừa kế nhưng cấp sơ thẩm đưa bà Đ vào tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác, tuy nhiên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các

đương sự khác trong vụ án, vì vậy, không coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến việc phải huỷ án sơ thẩm theo một phần nội dung kháng cáo ban đầu của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Mai Văn H chết. Toà án cấp phúc thẩm đưa các con của ông H, bà T vào tham gia với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc uỷ quyền của ông S, ông H cho bà T tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử thấy giấy uỷ quyền không có xác nhận chữ ký của người uỷ quyền của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại Nhật Bản. Theo quy định của pháp luật, giấy uỷ quyền không được chấp nhận.

Ngày 8/7/2019, Toà án tỉnh Quảng Bình nhận được đơn xin xử vắng mặt, bản tự khai của ông Mai Vũ S và ông Mai Chí H từ Nhật Bản gửi về theo đường công văn. Đây là lần vắng mặt lần thứ hai của ông S, ông H, Toà án căn cứ Điều 228, Điều 229 Bộ luật TTDS để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì thửa đất số 102, tờ bản đồ số 64 xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình trước đây là trại nuôi bò của Hợp tác xã C sau đó giải thể thì bố mẹ của ông Mai Văn T (là ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị Th) về ở. Năm 1988 ông L chết và năm 1994 bà Th chết. Năm 1989 vợ cH2 ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T được bà Th cho ở góc vườn phía Tây và làm nhà tạm trên thửa đất đó. Sau khi bà Th mất thì năm 1995, bà T2, ông Th con của ông L, bà Th cũng chuyển đi ở nơi khác, trên thửa đất còn lại ngôi nH gỗ. Năm 1996, bà Th1 (con ông L, bà Th) cũng tháo dỡ luôn nH gỗ để mang đi đến huyện Quảng Trạch làm nhà ở. Trên thửa đất chỉ còn ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản L, sử dụng liên tục từ đó cho đến nay.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T cho rằng ông Mai Văn T không có căn cứ khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số104, tờ bản đồ 23 xã S theo bản đồ địa chính năm 1997 (nay là thửa đất số 102, tờ bản đò số 64 xã S Trạch), Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị Th là người đầu tiên đến ở trên thửa đất tranh chấp. Tuy nhiên sau khi ông Mai Văn L mất năm 1988, bà Nguyễn Thị Th mất năm 1994 các con của ông L, bà Th cũng chuyển đi ở nơi khác ngay sau đó (năm 1995) và năm 1996, bà Th1 cũng dở luôn ngôi nhà gỗ đi. Trên đất không còn tài sản, những người con của ông L, bà Th không còn sử dụng đất đó từ năm 1996 đến nay. Quá trình nhà nước thực hiện việc quản L đất đai, các con của ông L, bà Th không thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền, không thực hiện nghĩa vụ thuế đất đối với nhà nước. Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không cung

cấp được tài liệu để chứng minh cho việc ông L bà Th trước đây được cấp có thẩm quyền giao đất hợp pháp. Trong khi đó ông Mai Xuân H và bà Nguyễn Thị T tiếp tục ở trên thửa đất đó, canh tác từ năm 1989 đến nay. Quá trình sử dụng đất ông H bà T không ngừng tôn tạo, khai hoang và mở rộng diện tích tăng thêm và Hng năm đều thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của người sử dụng đất theo quy định, đã được đăng ký vào sổ mục kê địa chính, bản đồ địa chính xã S Trạch năm 1997. Việc sử dụng đất này cũng được những người làm chứng là ông Nguyễn Văn L trước đây làm trưởng thôn xác nhận. Hơn nữa vợ cH2 ông H bà T sinh sống và canh tác trên thửa đất trong thời gian dài nhưng phía anh em ông T biết mà không hề phản đối. Mặt khác, ông T đòi lại đất nhưng không xác định được diện tích đất cụ thể của bố mẹ sử dụng bao nhiêu. Tại cấp phúc thẩm phía bị đơn đã cung cấp cho Tòa án sổ mục kê đất ngày 25/12/1997 của xã S, huyện B và tờ bản đồ số 23 ngày 05/12/1997 của thôn C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình, trong đó ông H có tên trong sổ mục kê tại thửa số 104 diện tích 2.048m^2. Hiện nay diện tích của thửa đất tranh chấp là 2.997, 8m^2 theo bản đồ địa chính năm 2015 thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 64 xã S Trạch. Với những lập luận trên cho thấy, mặc dù cả phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông L và bà Th là người đến ở trước trên mảnh đất có tranh chấp nhưng việc sử dụng đất đó chỉ được một thời gian, sau khi ông L bà Th mất thì các đồng thừa kế cũng chấm dứt việc sử dụng đất từ năm 1996 đến nay. Ông L, bà Th cũng không có giấy tờ về việc sử dụng đất hợp pháp, các con của ông L, bà Th cũng không sử dụng, kê khai đăng ký đất, không thực hiện nghĩa vụ đối với nH nước. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Mai Văn T công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 64 xã S Trạch là tài sản của ông L bà Th để lại là không có căn cứ.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, Hội đồng xét xử thấy kháng nghị nêu án sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Đ không đúng là có căn cứ. Tuy nhiên về nội dung khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn để sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Những sai sót trên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Mai Văn T khởi kiện không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch và đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn T đòi lại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 64, bản đồ địa chính xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình là di sản thừa kế của ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị Th.

2. Về án phí: Ông Mai Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc phẩm. Được trả lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0003031 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Bố Trạch.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi Hnh kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương